TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ NHATRANG** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc** **————————————**

Bản án số: **44**/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26/4/2018
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ NAM HOA**
Các Hội thẩm nhân dân: Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**
Ông **ĐINH PHÚ HIỀN**

-Thư ký phiên tòa: Bà **PHẠM HỒNG PHƯƠNG THẢO** - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Nha Trang tham gia phiên tòa:
Bà **ĐỖ THỊ HƯỜNG** - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1009/2017/HNGĐ - ST ngày 03 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXX - ST ngày 26 tháng 01 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2018/QĐST - HNGĐ ngày 12/02/2018; giữa các đương sự:

*<u>Nguyên đơn:</u> Bà **NGUYỄN THỊ TÚ N** - Sinh năm 1977.
Địa chỉ: Thôn B, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. *Có mặt.*

*<u>Bị đơn</u>**:** Ông **NGUYỄN P** - Sinh năm 1969.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. *(Vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tú N trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa:

Tôi và ông Nguyễn P tự nguyện kết hôn năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Trong quá trình chung sống, giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn, xúc phạm lẫn nhau. Đến nay, mâu thuẫn giữa hai chúng tôi đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị được ly hôn với ông Nguyễn P.

Về con chung: Chúng tôi có 01 con chung là Nguyễn Gia Ng, sinh ngày: 27/9/2009. Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Gia Ng và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội

đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Tú N và ông Nguyễn P không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 53,56,81,82,83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tú N được ly hôn với ông Nguyễn P. Giao con chung là cháu Nguyễn Gia Ng cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà N không yêu cầu. Tài sản chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn P hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông P vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án đã làm các thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và đã hoãn phiên Tòa lần thứ nhất do ông P vắng mặt. Tại phiên Tòa hôm nay ông P vẫn vắng mặt nên Tòa án nhân dân Tp. Nha Trang căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

**Về nội dung vụ án*:

1.*Quan hệ hôn nhân và gia đình*: Bà Nguyễn Thị Tú N và ông Nguyễn P kết hôn vào ngày 27/9/1999 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 25 năm 1999 - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị Tú N và ông Nguyễn P có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn từ nhiều năm nay. Vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm ngày càng có khoảng cách, mạnh ai nấy sống, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cho thấy, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà N là chính đáng có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. *Về con chung*: Bà Nguyễn Thị Tú N và ông Nguyễn P có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia Ng - sinh ngày 27/9/2009, bà Nguyễn Thị Tú N có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng. Vì vậy, việc bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia Ng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn P do bà N không yêu cầu.

3.Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tú N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tú N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Tú N.

Bà Nguyễn Thị Tú N được ly hôn ông Nguyễn P.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia Ng, sinh ngày 27/9/2009 cho bà Nguyễn Thị Tú N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn P do bà N không yêu cầu

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Tú N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tú N phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0007387 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Như vậy, bà N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nam Hoa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND Tp.Nha Trang;
- Chi cục THADS Tp.Nha Trang;
- UBND xã D, H. D, Tỉnh Khánh Hòa.
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.